

Biểu mẫu 10

(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN TỔ

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học 2017 – 2018**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	32	2,1m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	32	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	9	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1 lớp/phòng	-
8	Bình quân học sinh/lớp	30	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	10.000 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4.500 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	63	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	từ 72 m ² đến 90 m ²	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	từ 12 m ² đến 15 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	292 m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	520 m ²	
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)	63 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	812	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	257	26 bộ/lớp
2	Khối lớp 7	223	31 bộ/lớp
3	Khối lớp 8	161	32 bộ/lớp
4	Khối lớp 9	171	34 bộ/lớp
5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	360 m ²	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	110 bộ	7 hs/bộ
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	191 bộ	07 tb/lớp
1	Ti vi	11 cái	
2	Cát xét	10 cái	

3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	03 bộ	
5	Dàn âm thanh Mixer	2 bộ	
6	Dàn âm thanh di động	3 bộ	
7	Máy vi tính cố định	104 bộ	
8	Máy vi tính xách tay mini	2 bộ	

	Nội dung	Số lượng (m ²)				
X	Nhà bếp	m ²				
XI	Nhà ăn	m ²				
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	6 phòng, 855 m ²	900	0,95 m ²		
XIII	Khu nội trú	0	0	0		
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	3	8	0.22m ² /hs	0.40m ² / hs
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0		

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	Phát điện riêng
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 10, ngày 27 tháng 9 năm 2017

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

NGUYỄN THÀNH PHÁT